

Bài ôn tập Tiếng Việt

A. Đọc đoạn văn: Hồ Tơ - nung

Hồ Tơ - nung ở phía bắc thị xã Plây - cu. Hồ rộng mênh mông, nước trong như lọc.

Trên bờ, cây ê - ban màu lục điểm hoa trắng mọc um tùm. Mặt hồ phẳng lặng phản chiếu cảnh trời mây, rừng núi. Hồ xanh thắm khi trời quang mây tạnh. Hồ như khoác tấm áo choàng đỏ tía lúc trời chiều ngả bóng. Hồ long lanh dưới ánh nắng chói chang của những buổi trưa hè.

Hàng trăm thứ cá sinh sôi nảy nở ở đây. Cá đi từng đàn, khi thì tung tăng bơi lội, khi thì lao vun vút như những con thoi. Cá nhảy cả lên thuyền, rồi lướt trên mặt sóng. Cá tràn cả lên bờ lúc mưa to, gió lớn.

Chim chóc cũng đua nhau đến bên hồ làm tổ. Những con sít lông tím, mỏ hồng kêu vang như tiếng kèn đồng. Những con bói cá mỏ dài, lông sặc sỡ. Những con cuốc đen trũi len lỏi giữa các bụi cây ven bờ.

(Tập đọc lớp 3 – 2001)

2. Dựa vào nội dung bài đọc “ Hồ Tơ – nung” để trả lời các câu hỏi sau: (khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu của câu hỏi)

Câu 1: Vẻ đẹp của hồ Tơ – nung vào lúc trời chiều biến đổi thế nào?

- a. Xanh thắm
b. Khoác tấm áo choàng đỏ tía
c. Long lanh dưới ánh nắng chói chang

Câu 2: Hoa ê-ban bên hồ có màu gì?

- a. Màu trắng
b. Màu lục
c. Màu tím

Câu 3: Có những loài chim nào được kể đến trong bài đọc “Hồ Tơ – nung”

.....
Câu 4: Câu: “ Mặt hồ phẳng lặng phản chiếu cảnh trời mây, rừng núi” thuộc kiểu câu gì?

- a. Ai là gì?
b. Ai thế nào?
c. Ai làm gì?

Câu 5: Dòng nào sau đây có các từ chỉ đúng đặc điểm của mặt hồ Tơ – nung?

- a. Chói chang, mênh mông, xanh thắm, phẳng lặng.
b. Xanh lục, phẳng lặng, long lanh, đỏ tía.
c. Mênh mông, phẳng lặng, xanh thắm, long lanh.

Câu 6: Tìm trong bài đọc hồ Tô - nung và viết lại 1 câu theo mẫu “ Ai làm gì?”

.....
Câu 7: Bài văn có mấy hình ảnh so sánh? Gạch chân các hình ảnh so sánh trong bài

- a. Một hình ảnh b. Hai hình ảnh c. Ba hình ảnh

Câu 8: Ghi lại 5 từ chỉ hoạt động của đàn cá có trong bài đọc.

.....
A. Bài tập luyện từ và câu:

Bài 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu tục ngữ sau đây :

Một con ngựacả tàu bỏ

.....làm chẳng nên non.

.....chụm lại nên hòn núi cao.

Ăn quả nhớ kẻ.....

Bài 2. Tìm từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động trong đoạn thơ sau :

Tiếng gà

Giục quả na

Mở mắt tròn xoe.....

Cây dừa sải tay bơi

Ngọn mừng toí nhảy múa

- Từ chỉ sự vật :.....

- Từ chỉ hoạt động :.....

Bài 3 . Đặt dấu / ngăn cách giữa bộ phận câu trả lời câu hỏi **Ai?** (*cái gì, con gì?*) với bộ phận câu trả lời câu hỏi **làm gì?**

a. Đàn sếu đang sải cánh trên cao. b. Sau một cuộc dạo chơi đám trẻ ra về.

c. Các em tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi.

Bài 4. Điền dấu chấm, dấu phẩy thích hợp vào đoạn văn sau:

Bao tháng bao năm mẹ bé anh em chúng con trên đôi tay mềm mại ấy com chúng con ăn tay mẹ nấu nước chúng con uống tay mẹ xách mẹ đun trời nóng gió từ tay mẹ đưa chúng con vào giấc ngủ .

Bài ôn tập Toán

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Bài 1. Các bài tập dưới đây có kèm theo 4 câu trả lời A, B, C, D. Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số lớn nhất trong các số 978, 789, 987, 897 là:

- A. 987 B. 897 C. 789 D. 978

Câu 2: Kết quả của phép chia $35 : 4$ là :

- A. 9 B. 9 (dư 2) C. 9 (dư 3) D. 8 (dư 3)

Câu 3: Tính : $153 \times 5 = ?$ A. 565 B. 555 C. 765 D. 768

Câu 4: $2\text{m } 9\text{cm} = ? \text{ cm}$ A. 209 B. 290 cm C. 209 m D. 209 cm

Câu 5: Năm nay con 8 tuổi, tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi?

- A. 11 tuổi B. 21 tuổi C. 22 tuổi D. 24 tuổi

Bài 2: Các bài tập dưới đây có kèm theo 3 câu trả lời A, B, C. Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: cho các số : 923, 982, 899, 988

các số được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là :

- A. 799, 823, 882, 828
B. 828, 799, 823, 882
C. 882, 828, 823, 799

Câu 2: $5\text{m } 8\text{cm} = \dots\text{cm}$

- A. 58cm B. 580cm C. 508cm

Câu 3: Cây bút chì dài

- A. 15 cm B. 15m C. 15 dm

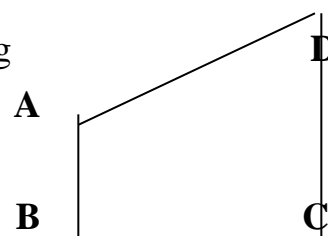
Câu 4: $\frac{1}{9}$ của 54kg là:

- A. 9kg B. 5kg C. 6kg

Câu 5:

a) Số góc vuông trong hình bên là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4



b) Ghi lại các góc vuông trong hình tứ giác ABCD

.....

Câu 6:

a) An đi học từ lúc 7 giờ 10 phút, An đến trường 7 giờ 25 phút. Thời gian An đã đi từ nhà đến trường là:

A. 10 phút

B. 15 phút

C. 25 phút

b) Giảm 48 đi 4 lần được số mới là

A. 44

B. 40

C. 12

PHẦN II: TỰ LUẬN (làm vào vở ôn tập)

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a/ $593 + 325$

b/ $728 - 365$

c/ 186×4

d/ $627 : 3$

Bài 2. Tính giá trị biểu thức :

a. $90 + 28 : 2$

b. $123 \times (82 - 80)$

c. $425 - 10 \times 3 =$

d. $205 + 93 : 3 =$

Bài 3: Một cửa hàng bán được 200 mét vải xanh, số mét vải đỏ bán được bằng $\frac{1}{2}$ số mét vải xanh. Hỏi cửa hàng đó đã bán được tất cả bao nhiêu mét vải xanh và đỏ?

Bài 4: Mẹ mua về 50 quả cam, chị lan mua về 40 quả cam. Số cam của mẹ và chị lan xếp đều vào 5 hộp. hỏi mỗi hộp có bao nhiêu quả cam?

Bài 5: Có 320 quyển truyện xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 4 ngăn. Hỏi mỗi ngăn tủ xếp được bao nhiêu quyển sách?

Bài 6: Tìm x:

$410 - x = 275$

$4 \times x = 320$

Bài 7: Bài toán: Một cửa hàng có 453 kg gạo, đã bán được $\frac{1}{3}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki- lô- gam gạo?

Bài 8: Một lớp học có 35 học sinh, phòng học của lớp là loại bàn 2 chỗ ngồi. Hỏi cần có ít nhất bao nhiêu bàn học như thế để đủ chỗ cho học sinh ngồi học?

Bài 9: Năm nay em 8 tuổi, tuổi bố gấp tuổi em 5 lần. Hỏi, năm nay bố em bao nhiêu tuổi ?

Bài 10: Tính chu vi một sân bóng đá mini có chiều dài 42 m và chiều rộng là 25m.